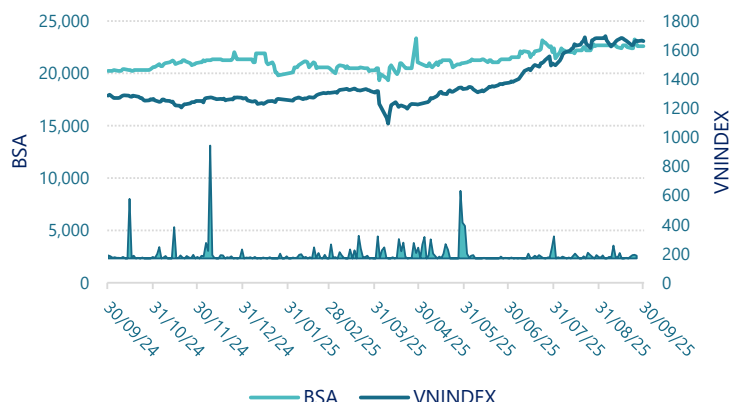


CTCP Thủy điện Buôn Đôn (UPCOM: BSA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	23,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,357
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,337
SL cổ phiếu LH	66,850,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,207
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,578
P/E	12.4
EPS	1,900

DT thuần

Q3/25

113

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0 | 77.0%

YoY: ▼ 4.00 | -3.2%

LN sau thuế

Q3/25

40.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.80 | -4.3%

YoY: ▲ 8.40 | 25.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

40.8%

+/- YoY: ▲ 6.4%

DT thuần

9T 2025

227

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.0 | 18.4%

LN sau thuế

9T 2025

92.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.7 | 159%

ROE

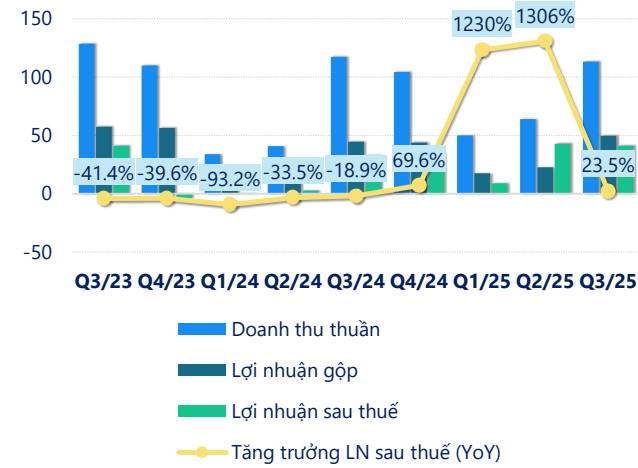
Q3/25

13.1%

+/- YoY: ▲ 9.8%

tỷ VNĐ

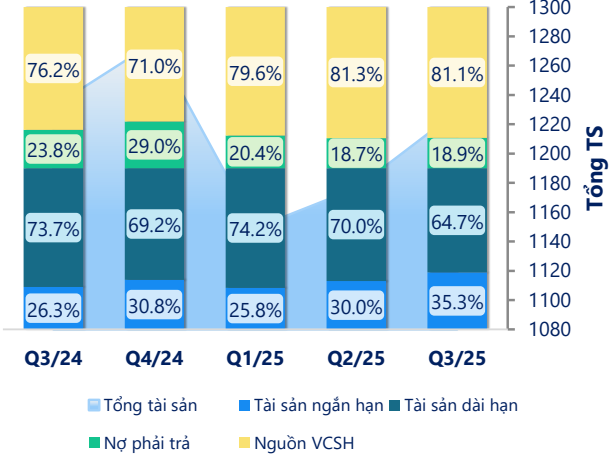
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

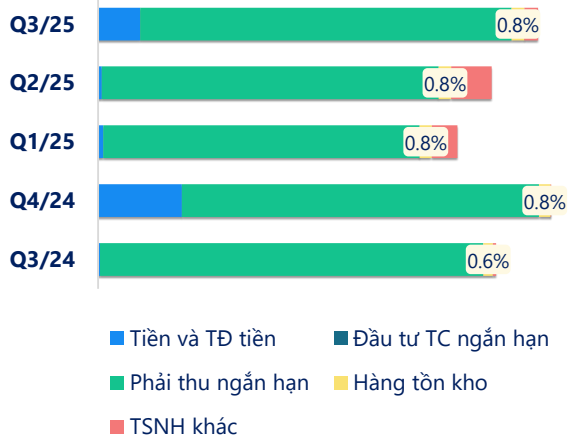
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



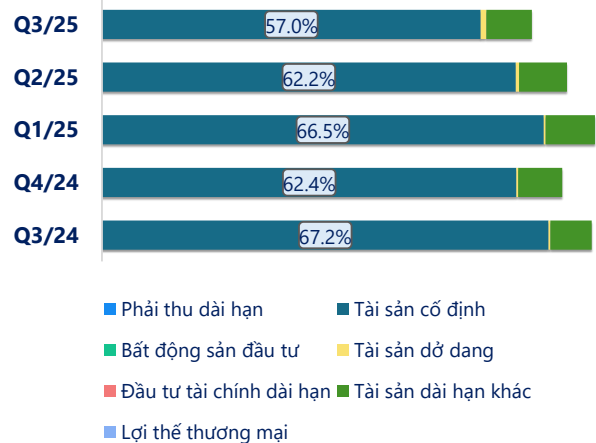
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

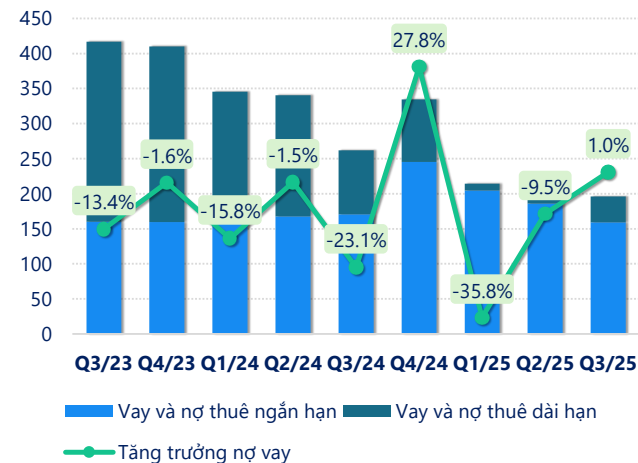
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

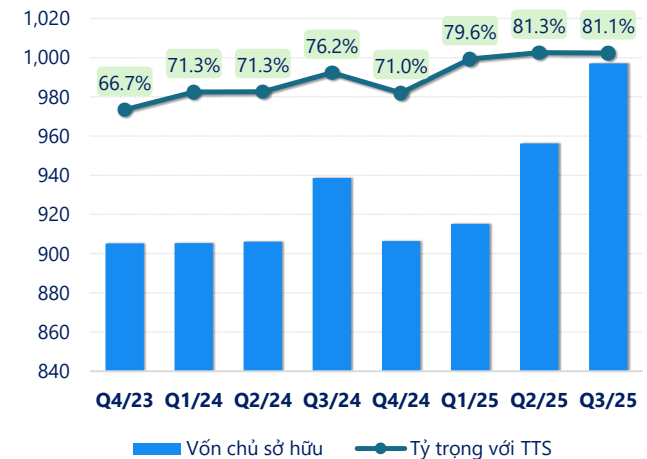
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

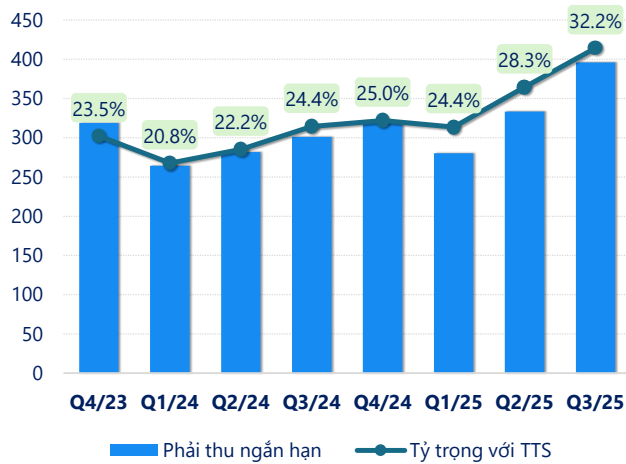
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



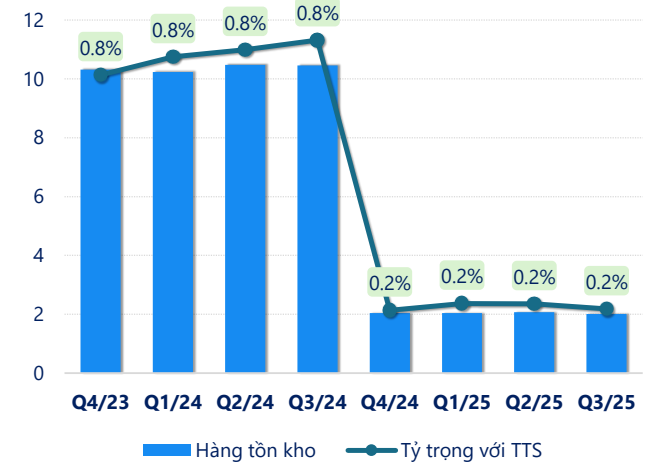
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


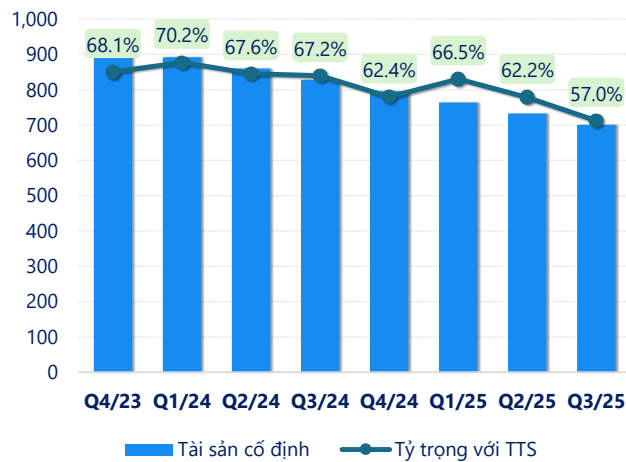
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


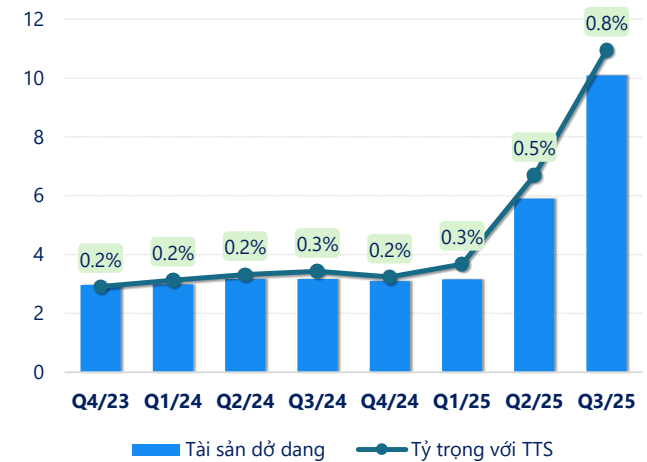
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

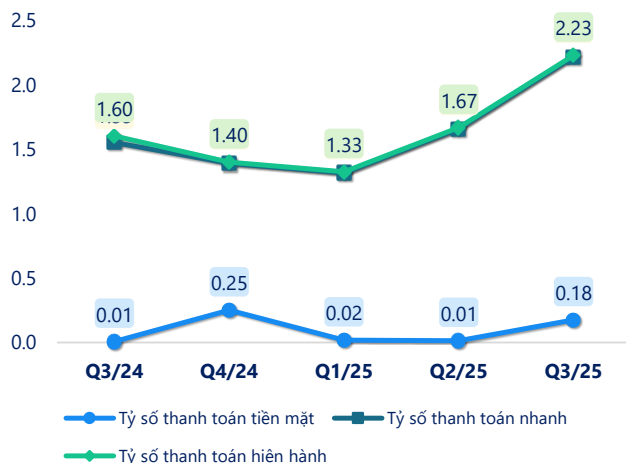
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

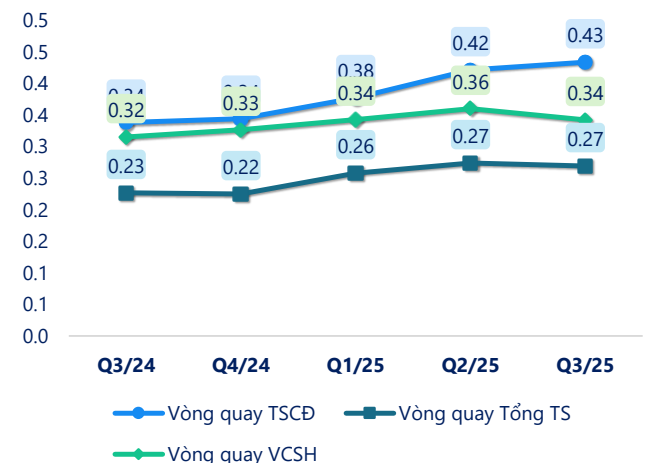
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,232	1,276	1,149	1,176	1,229
Tài sản ngắn hạn	324	393	297	353	434
Tiền và tương đương tiền	1.52	70.4	4.02	2.95	34.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	301	320	280	333	396
Hàng tồn kho	10.5	2.04	2.04	2.08	2.01
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	0.59	10.2	15.0	2.04
Tài sản dài hạn	908	883	853	823	795
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0.00	0.00
Tài sản cố định	828	796	764	732	700
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.17	3.10	3.16	5.90	10.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	76.9	84.4	85.5	84.9	84.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	293	370	234	220	232
Nợ ngắn hạn	202	281	224	212	195
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	245	204	186	159
Phải trả người bán ngắn hạn	1.84	1.38	3.39	3.18	3.23
Nợ dài hạn	91.2	89.0	10.1	8.26	36.9
Vay và nợ thuê dài hạn	91.2	89.0	10.1	8.26	36.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	939	906	915	956	997
Vốn chủ sở hữu	939	906	915	956	997
Vốn điều lệ	669	669	669	669	669
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)